TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-02-2018
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Võ Văn Hải
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Ràng
Ông Nguyễn Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Oai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh H, tỉnh K-H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2018, Tòa án nhân dân thị xã Ninh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 653/2017/HNGĐ ngày 27/10/2017 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/HNGĐ ngày 05/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/HPT-ST ngày 22/01/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T –** Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn 2, xã Ninh S, thị xã Ninh H, tỉnh K - H. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Kim T1** − Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Tổ dân phố Thanh C, phường Ninh G, thị xã Ninh H, tỉnh K-H. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày*:** Bà và ông Nguyễn Kim T1 kết hôn năm 1995 tại UBND xã Ninh G (nay là phường Ninh G), thị xã Ninh H, tỉnh K-H. Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà và ông T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, do lời qua tiếng lại, tính tình không hòa hợp. Bà và ông T1 đã ly thân từ năm 1997 đến nay. Nay cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm của bà dành cho ông T không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Kim T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 02 chung là Nguyễn Kim T2 – sinh ngày: 15/01/1994 và Nguyễn Thị Kim T2 – sinh ngày: 03/11/1997. Các con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Kim T1:** Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông T1 vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên không tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Kim T1. Về con chung: đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Kim T1 là bị đơn trong vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương và nơi cư trú nhưng ông T1 vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Kim T1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Kim T1 tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã được xã Ninh G (nay là phường Ninh G), thị xã Ninh H, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 38/1/95 ngày 12/07/1995. Do vậy, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn và không chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay. Nguyện vọng của bà Trần Thị T xin được ly hôn ông Nguyễn Kim T1. Còn ông Nguyễn Kim T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng ông T1 vắng mặt nên không thể hỏi ý kiến trình bày và nguyện vọng của ông T1 được. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Kim T1 đã được triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên coi như tự tước mất quyền lợi của mình tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Kim T1 đã không chung sống với nhau từ năm 1997 đến nay cho nên xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không quan tâm, thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị T là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Kim T1 có 02 chung là Nguyễn Kim T2 – sinh ngày 15/01/1994 và Nguyễn Thị Kim T3 – sinh ngày 03/11/1997 nhưng hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xét. Tại phiên tòa ông Nguyễn Kim T1 vắng mặt nên cần tách yêu cầu chia tài sản ra thành vụ kiện dân sự khác khi nào có đơn khởi kiện sẽ giải quyết sau.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân**:** bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Kim T1.

1.2 Về con chung: Có 02 chung là Nguyễn Kim T2 – sinh ngày 15/01/1994 và Nguyễn Thị Kim T3 – sinh ngày 03/11/1997 nhưng các cháu đều đã trưởng thành nên không xét.

1.3 Về tài sản chung: bà Trần Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Kim T1 vắng mặt nên cần tách yêu cầu chia tài sản ra thành vụ kiện dân sự khác khi nào có đơn khởi kiện sẽ giải quyết sau.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003378 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Nên bà Trần Thị T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: *Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Võ Văn Hải

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh K-H;
- VKSND thị xã Ninh H;
- UBND phường Ninh G;
- Chị cục THADS thị xã Ninh H;
- Lưu HS.